

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội Dung	Dự Toán Năm	Thực hiện Quý III năm 2022 (9 tháng)	So Sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.300.000.000	54.162.676.688	526%	71%
I	Thu cân đối NSNN	10.300.000.000	7.721.542.601	75%	74%
1	Thu nội địa	10.300.000.000	7.721.542.601	75%	74%
2	Thu viện trợ	0	0	0	
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		46.441.134.087		71%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	456.501.988.000	216.373.935.471	47%	103%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	313.180.000.000	215.176.152.760	69%	144%
1	Chi đầu tư phát triển	14.548.000.000	24.114.643.775	166%	400%
2	Chi thường xuyên	291.789.000.000	191.048.873.447	65%	134%
3	Dự phòng ngân sách	6.843.000.000	0	0	
4	Chi nộp ngân sách cấp trên		12.635.538		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	143.321.988.000	1.197.782.711	1%	5%
1	Chương trình MTQG	136.612.000.000	87.270.000	0	
a	Giảm nghèo bền vững	89.883.000.000	0	0	0%
	- Vốn đầu tư	70.718.000.000	0	0	
	- Vốn sự nghiệp	19.165.000.000	0	0	
b	Xây dựng nông thôn mới	18.253.000.000	0	0	0%
	- Vốn đầu tư	18.098.000.000	0	0	
	- Vốn sự nghiệp	155.000.000	0	0	
c	Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	28.476.000.000	87.270.000		
	- Vốn đầu tư	20.104.000.000	0	0	
	- Vốn sự nghiệp	8.372.000.000	87.270.000	0	
2	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí TX	6.709.988.000	1.110.512.711	17%	4%
2.1	Vốn đầu tư	1.250.000.000	0	0%	
200	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 2)	1.250.000.000	0		
2.2	Vốn Sự nghiệp	5.459.988.000	1.110.512.711	20%	
125	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ cho các quỹ bảo trì đường bộ địa phương	500.000.000	0	0%	
124	Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông	555.000.000	366.444.711	66%	
201	Về việc cấp kinh phí cho UBND các huyện, thành phố để thực hiện một số chính sách liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	486.249.000	486.249.000	100%	

STT	Nội Dung	Dự Toán Năm	Thực hiện Quý III năm 2022 (9 tháng)	So Sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
200	Về việc cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị, địa phương để thực hiện chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt 01/01, 01/02 và 01/3 năm 2022	128.848.000	128.848.000	100%	
204	Về việc thưởng vượt thu giữa số thực hiện so với dự toán từ các khoản thu phân chia điều tiết về ngân sách cấp tỉnh năm 2021 cho các huyện Pác Nặm, Bạch Thông, Ba Bể, Na Rì, Chợ Đồn	44.920.000	0		
200	Về việc cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị, địa phương để thực hiện chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt 01/5 và 01/6 năm 2022	128.971.000	128.971.000		
200	Về việc cấp bổ sung kinh phí cho UBND các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ năm 2022 (để mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu môn Tin học và Ngoại ngữ cho các trường tiểu học)	3.616.000.000	0		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội Dung	Dự Toán Năm	Thực hiện Quý III năm 2022 (9 tháng)	So Sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.300.000.000	7.721.542.601	75%	74%
I	Thu nội địa	10.300.000.000	7.721.542.601	75%	74%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	284.000.000	238.072.866	84%	103%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.016.000.000	1.612.505.398	53%	30%
4	Thuế thu nhập cá nhân	600.000.000	258.370.913	43%	51%
5	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0	
6	Lệ phí trước bạ	1.600.000.000	1.336.163.262	84%	123%
7	Thu phí, lệ phí	1.150.000.000	581.564.737	51%	54%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.510.000.000	2.657.091.438	176%	605%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0		0%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000.000	7.469.138	75%	
-	Thu tiền sử dụng đất	1.500.000.000	2.649.622.300	177%	788%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	0	0	0	
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0	
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0	
10	Thu khác ngân sách	2.140.000.000	1.037.773.987	48%	62%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	0	0	0	
II	Thu viện trợ	0	0	0	
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	9.400.000.000	6.771.184.380	72%	84%
1	Từ các khoản thu phân chia	1.510.000.000	2.651.760.238	176%	56%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	7.890.000.000	4.119.424.142	52%	125%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội Dung	Dự Toán Năm	Thực hiện Quý III năm 2022 (9 tháng)	So Sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG SỐ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	500.963.122.087	216.373.935.471	43%	103%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	357.641.134.087	215.176.152.760	60%	144%
I	Chi đầu tư phát triển	25.012.898.000	24.114.643.775	96%	400%
1	Chi đầu tư cho các dự án	25.012.898.000	24.114.643.775	96%	400%
2	Chi phát triển khác	0	0		
II	Chi thường xuyên	325.785.236.087	191.048.873.447	59%	134%
1	Chi quốc phòng	8.376.000.000	5.426.129.274	65%	94%
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.004.000.000	1.268.265.681	126%	57%
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	168.211.676.358	106.579.451.710	63%	130%
4	Chi thể dục thể thao		114.540.000		237%
5	Chi khoa học và công nghệ		0		
6	Chi y tế, dân số và gia đình	35.000.000	421.417.300		
7	Chi văn hóa thông tin	1.114.000.000	1.215.576.819	109%	93%
8	Chi phát thanh, truyền hình	1.005.000.000	20.064.520		
9	Chi bảo vệ môi trường	2.000.000.000	572.406.309	29%	
10	Chi các hoạt động kinh tế	36.147.142.168	12.179.311.105	34%	455%
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	70.018.604.550	48.270.027.245	69%	108%
12	Chi bảo đảm xã hội	19.556.000.000	14.081.341.411	72%	1032%
13	Chi thường xuyên khác	2.662.872.460	900.342.073	34%	54%
14	Chi nguồn CCTL từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên	15.654.940.551			
III	Dự phòng NSNN	6.843.000.000	0		
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		12.635.538		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	143.321.988.000	1.197.782.711	1%	2%
1	Chương trình MTQG	136.612.000.000	87.270.000		
a	Giảm nghèo bền vững	89.883.000.000	0		
	- Vốn đầu tư	70.718.000.000	0		
	- Vốn sự nghiệp	19.165.000.000	0		
b	Xây dựng nông thôn mới	18.253.000.000	0		
	- Vốn đầu tư	18.098.000.000	0		
	- Vốn sự nghiệp	155.000.000	0		
c	Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	28.476.000.000	87.270.000		
	- Vốn đầu tư	20.104.000.000	0		
	- Vốn sự nghiệp	8.372.000.000	87.270.000		
2	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí TX	6.709.988.000	1.110.512.711	17%	3%

STT	Nội Dung	Dự Toán Năm	Thực hiện Quý III năm 2022 (9 tháng)	So Sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
2.1	Vốn đầu tư	1.250.000.000	0		
200	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 2)	1.250.000.000			
2.2	Vốn Sự nghiệp	5.459.988.000	1.110.512.711		
125	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ cho các quỹ bảo trì đường bộ địa phương	500.000.000	0	0%	
124	Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông	555.000.000	366.444.711	66%	
201	Về việc cấp kinh phí cho UBND các huyện, thành phố để thực hiện một số chính sách liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	486.249.000	486.249.000	100%	
200	Về việc cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị, địa phương để thực hiện chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt 01/01, 01/02 và 01/3 năm 2022	128.848.000	128.848.000	100%	
204	Về việc thương vượt thu giữa số thực hiện so với dự toán từ các khoản thu phân chia điều tiết về ngân sách cấp tỉnh năm 2021 cho các huyện Pác Nặm, Bạch Thông, Ba Bể, Na Rì, Chợ Đồn	44.920.000			
200	Về việc cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị, địa phương để thực hiện chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt 01/5 và 01/6 năm 2022	128.971.000	128.971.000		
200	Về việc cấp bổ sung kinh phí cho UBND các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ năm 2022 (để mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu môn Tin học và Ngoại ngữ cho các trường tiểu học)	3.616.000.000			

SNKT
AN

Khác

QLHC

QLHC

GD